

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 01/08/2021**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	10/11/1999	Nghệ An	7.3	6.5	2318/QĐ352/2021	TH002357	
2	Phan Thị Bích	Nữ	29/05/1999	Nghệ An	7.0	8.5	2319/QĐ352/2021	TH002358	
3	Nguyễn Thị Huyền Chi	Nữ	26/12/1999	Hà Tĩnh	7.0	6.5	2320/QĐ352/2021	TH002359	
4	Chu Thị Trúc Chinh	Nữ	06/4/1997	Nghệ An	7.7	7.5	2321/QĐ352/2021	TH002360	
5	Nguyễn Thành Đạt	Nam	15/10/1994	Hà Tĩnh	6.7	8.5	2322/QĐ352/2021	TH002361	
6	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	02/7/2000	Nghệ An	6.7	8.5	2323/QĐ352/2021	TH002362	
7	Bùi Thị Mỹ Dung	Nữ	27/06/1997	Nghệ An	6.7	8.5	2324/QĐ352/2021	TH002363	
8	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	10/06/1997	Nghệ An	6.0	5.5	2325/QĐ352/2021	TH002364	
9	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	17/02/1999	Nghệ An	5.3	8.5	2326/QĐ352/2021	TH002365	
10	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	20/09/1996	Nghệ An	6.3	7.0	2327/QĐ352/2021	TH002366	
11	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	10/05/1999	Hà Tĩnh	6.3	8.5	2328/QĐ352/2021	TH002367	
12	Võ Thị Hiệp	Nữ	12/12/1992	Nghệ An	6.3	7.0	2329/QĐ352/2021	TH002368	
13	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	08/06/1999	Nghệ An	6.0	8.5	2330/QĐ352/2021	TH002369	
14	Hoàng Thị Khánh Huyền	Nữ	30/3/1999	Nghệ An	5.7	6.5	2331/QĐ352/2021	TH002370	
15	Trần Thị Huyền	Nữ	27/05/1999	Nghệ An	6.3	6.0	2332/QĐ352/2021	TH002371	
16	Nguyễn Thị Hiền Khanh	Nữ	10/01/1998	Nghệ An	5.7	5.5	2333/QĐ352/2021	TH002372	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
17	Hoàng Thị Lam	Nữ	23/12/1996	Nghệ An	7.7	8.5	2334/QĐ352/2021	TH002373	
18	Lương Thị Hoài Linh	Nữ	29/4/1998	Nghệ An	6.3	9.0	2335/QĐ352/2021	TH002374	
19	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	11/01/1999	Hà Tĩnh	6.7	9.0	2336/QĐ352/2021	TH002375	
20	Nguyễn Hoài Linh	Nữ	20/12/1999	Nghệ An	6.7	9.0	2337/QĐ352/2021	TH002376	
21	Trần Thị Lệ Mỹ	Nữ	01/05/1999	Nghệ An	7.0	9.0	2338/QĐ352/2021	TH002377	
22	Nguyễn Trọng Quang	Nam	04/8/1991	Hà Tĩnh	6.3	6.0	2339/QĐ352/2021	TH002378	
23	Trương Thị Thắm	Nữ	09/04/1999	Nghệ An	5.7	6.0	2340/QĐ352/2021	TH002379	
24	Nguyễn Trọng Thiệu	Nam	01/10/1990	Hà Tĩnh	5.3	6.0	2341/QĐ352/2021	TH002380	
25	Hoàng Thị Huyền Thương	Nữ	02/10/1999	Nghệ An	5.7	9.0	2342/QĐ352/2021	TH002381	
26	Bùi Thị Thủy	Nữ	07/07/1997	Nghệ An	6.3	8.0	2343/QĐ352/2021	TH002382	
27	Bùi Thị Thủy	Nữ	15/10/1991	Nghệ An	7.0	8.0	2344/QĐ352/2021	TH002383	
28	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	14/7/1999	Nghệ An	6.7	8.5	2345/QĐ352/2021	TH002384	

